

Số: 588/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ 342/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Sơn Q, sinh năm 1970; CCCD: 046070000615; Địa chỉ: 4 Hồ N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Bùi Thị M, sinh năm 1970; CCCD: 046170000536; Địa chỉ: 4 Hồ N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Sơn Q và bà Bùi Thị M tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/1994 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân xã V, Thừa Thiên Huế) theo Giấy chứng nhận đăng kết hôn số 37, quyển số 37. Quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà M là hợp pháp, phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu, hai bên chung sống hạnh phúc. Do bất đồng quan điểm sống khiến không khí gia đình nặng nề, tình cảm vợ chồng không còn. Ông Q và bà M đã ly thân một năm nay. Do đó, hai bên yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung Có 02 con chung là Trần Sơn H, sinh năm 1997 (đã thành niên) và Trần Sơn N, sinh ngày 19/10/2008. Hai bên thỏa thuận: Bà Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N, ông Trần Sơn Q không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[5] Về lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình ông Trần Sơn Q và bà Bùi Thị M chịu.

[6] Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Trần Sơn Q và bà Bùi Thị M là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Sơn Q và bà Bùi Thị M thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Sơn H, sinh năm 1997 (đã thành niên) và Trần Sơn N, sinh ngày 19/10/2008. Giao trẻ N cho bà Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Sơn Q không cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Trần Sơn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.
- Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông Trần Sơn Q tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019199 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Vinh Lộc, Thừa Thiên Huế;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Mỹ Kiều